TOÀ PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2026/HS-PT
Ngày: 10/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang;

Các Thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tùng - Thư ký viên.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hải - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10/02/2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 654/2025/TLPT-HS ngày 12/11/2025, do có kháng cáo của bị cáo Trịnh Thị M và bị cáo Dương Minh Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 737/2025/HS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Trịnh Thị M, sinh năm: 1973; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn T, xã V, TP. Hà Nội *(Trước đây là Thôn T, thị trấn V, huyện U, TP. Hà Nội)*; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn V (đã chết); Con bà: Vũ Thị H, sinh năm: 1940; Chồng là: Dương Minh Đ, sinh năm:1969 (là bị cáo trong cùng vụ án); Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 15/10/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội; *có mặt tại phiên toà.*

2. Dương Minh Đ, sinh năm : 1969; Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn T, xã V, TP. Hà Nội *(Trước đây là Thôn T, thị trấn V, huyện U, TP. Hà Nội)*; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10; Con ông: Dương Đình Th (đã chết); Con bà: Phạm

Thị H, sinh năm: 1943; Chồng là: Trịnh Thị M, sinh năm 1973 (là bị cáo trong cùng vụ án); Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt tại phiên toà.*

- Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Thị M, bị cáo Dương Minh Đ: Luật sư Vũ Quang B, Công ty Luật TNHH H và Luật sư Lê Văn C, Công ty Luật TNHH S, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; *các luật sự có mặt tại phiên toà.*

Trong vụ án này còn có bị cáo Đặng Văn Kh không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/6/2011, vợ chồng Trịnh Thị M và Dương Minh Đ ký Hợp đồng tín dụng số 48557/HĐTD/TH-TN/TCB-TLG-LHA với Ngân hàng T – chi nhánh L để vay số tiền 08 tỷ đồng, tài sản thế chấp là nhà đất (nhà 7 tầng) tại: Thửa số 863, tờ bản đồ số 1, diện tích 132,7m^2 tại: Xóm B, thôn T, thị trấn V, huyện U, Hà Nội (nay là xã V, thành phố Hà Nội) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là Giấy CNQSDĐ) số BB887450 ngày 08/11/2010, số vào sổ cấp GCN: CH000846 mang tên Dương Minh Đ và Trịnh Thị M. Ngân hàng T đã bổ sung thông tin thế chấp tại bìa giấy và được ngân hàng lưu trữ, quản lý. Tính đến năm 2013, vợ chồng Đ, M đã trả được số tiền gốc là 347.820.000 đồng cho Ngân hàng T, do kinh doanh thua lỗ nên đến năm 2013, vợ chồng Đ, M không trả được nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng T.

Năm 2014, UBND huyện U triển khai, thực hiện dự án cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để quản lý bằng hệ thống dữ liệu điện tử, thị trấn V được thực hiện thí điểm. Khi đó, thủ tục đăng ký cấp đổi chỉ cần các hộ dân cung cấp bản Photocopy các tài liệu gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ), sổ hộ khẩu, CCCD. Do sẵn có bản photocopy sổ đỏ trong quá trình thực hiện thế chấp thửa đất cho Ngân hàng T nên vợ chồng Đ, M đã nộp bản photocopy này cho Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh huyện U để làm thủ tục cấp đổi. Khi đó bản photocopy sổ đỏ nêu trên không ghi nội dung thửa đất đã được thế chấp tại Ngân hàng T. Căn cứ tài liệu do vợ chồng Đ, M cung cấp, chị Nguyễn Thị M1 (sinh năm: 1971, trú tại: Thôn H, thị trấn V, huyện U, Hà Nội) là cán bộ địa bàn thị trấn V của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện U đã tiến hành các thủ tục đo đạc, lập hồ sơ đề xuất Lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai huyện U duyệt, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR544646 ngày 05/5/2014 cho vợ chồng Dương Minh Đ và Trịnh Thị M. Thửa đất trên được thay đổi thông tin thành thửa đất số 16, tờ bản đồ số 73, diện tích 132,6m^2 và Ủy ban nhân dân huyện U giao cho UBND thị trấn V quản lý, thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ số BB887450 ngày 08/11/2010 trước khi ban hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR544646. Khi đó Giấy CNQSD đất số BR544646 không được bổ sung thông

tin thế chấp vào bìa sổ. Đặng Văn Kh là cán bộ địa chính của UBND thị trấn V được giao nhiệm vụ bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ, nhưng do Trịnh Thị M có mối quan hệ bạn bè với Kh nên M đã đến gặp Kh đề nghị cho M được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới số BR544646 cấp ngày 05/5/2014. Khi đó, Kh yêu cầu M nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ, nhưng M nói với Kh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ M đã đem đi thế chấp tại ngân hàng nên nếu lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới về M cũng không thể thế chấp vay tiền ngân hàng được; M hứa hẹn đang thu xếp trả tiền cho ngân hàng để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về nộp cho Kh. Tin tưởng M, Kh đã bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới số BR544646 cấp ngày 05/5/2014 cho M mà không thu hồi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ số BB887450 ngày 08/11/2010 theo quy định.

Quá trình quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR544646 cấp ngày 05/5/2014 do bị làm đổ mực khiến một phần thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị che, M tiếp tục làm thủ tục xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Ngày 01/7/2015, căn cứ đề xuất của Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh huyện U, Sở Tài nguyên và Môi trường TP H đã cấp đổi cho gia đình Đ, M Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR883718 ngày 01/7/2015 đối với thửa đất trên và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR544646 cấp ngày 05/5/2014. Khi đó Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR883718 cũng không có thông tin thế chấp tại bìa sổ.

Sau khi được cấp đổi, ngày 09/7/2015, M và Đ tiếp tục thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR883718 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (viết tắt là V) chi nhánh K, ở địa chỉ: Số 292 phố t, phường T, quận Đ, Hà Nội để vay số tiền 3.550.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3671223 ngày 10/7/2015, thời hạn vay 300 tháng, mục đích để mua bất động sản tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 18, địa chỉ số 15, ngõ R, tổ 81B K, quận Đ, Hà Nội của ông Nguyễn Đình Q đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0104140070 ngày 30/6/1997 theo Hợp đồng mua bán nhà đất giữa vợ chồng M, Đ và ông Q được Công chứng số 198/2015 ngày 18/6/2015 tại Phòng công chứng U, số 21 L, thị trấn V, huyện U, Hà Nội.

Sau khi được Ngân hàng V giải ngân, Trịnh Thị M đã thông báo với ông Q, do khó khăn nên không mua nhà của ông Q nữa, đồng thời hủy hợp đồng mua bán nhà đất với ông Q, ông Q đã rút toàn bộ số tiền được giải ngân chuyển cho M. Sau đó, nhận được tiền từ ông Q, M đã sử dụng 400 triệu đồng trả nợ cho Ngân hàng T theo hợp đồng vay trước đó, cho ông Q vay 600 triệu đồng, trả một phần tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng V, số tiền còn lại hơn 2 tỷ đồng, M tiếp tục sử dụng đầu tư kinh doanh và bị thua lỗ. Đến tháng 01/2017, do không còn khả năng trả nợ, nên Ngân hàng V đã tiến hành thu giữ tài sản thế chấp và phát hiện tài sản trên đã được Đ, M thế chấp cho Ngân hàng T vào ngày 09/6/2011. Ngày 07/9/2017, Ngân hàng V đã làm đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng Đ - M gửi đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng V yêu cầu các bị cáo Trịnh Thị M, Dương Minh Đ phải bồi thường cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 2.348.839.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sở thẩm là 4.508.524.188 đồng; tổng số tiền yêu cầu là 6.857.363.188 đồng và yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục phải trả lãi cho Ngân hàng V cho đến khi trả hết khoản nợ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 737/2025/HS-ST ngày 29/9/2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Thị M 14 (mười bốn) năm tù về tội ”Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**.** Thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2024.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Minh Đ 07 (bẩy) năm tù về tội ”Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Đặng Văn Kh; quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2025, bị cáo Dương Minh Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10/10/2025, bị cáo Trịnh Thị M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xuất trình Biên lai thu tiền số 0001717 và Biên lai thu tiền số 0001718 ngày 10/02/2026 thể hiện việc bị cáo Trịnh Thị M và bị cáo Dương Minh Đ nộp 200.000.000 đồng tiền bồi thường; bị cáo Trịnh Thị M nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Bị cáo Dương Minh Đ xuất trình đơn trình bày hoàn cảnh gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương về việc bị cáo đang phải nuôi dưỡng mẹ già (sinh năm 1943) và đang thờ cúng 2 liệt sỹ.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo M, bị cáo Đ đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ mới ở giai đoạn phúc thẩm; xem xét việc 2 vợ chồng bị cáo phạm tội trong cùng vụ án; các bị cáo thành khẩn khai báo, tích cực phối hợp với cơ quan tiến hành tố tụng để sớm kết thúc vụ án; tích cực bồi thường ở cả giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm; có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình có truyền thống cách mạng, đang trực tiếp thờ cúng Mẹ Việt Nam anh hùng và 2 liệt sỹ; các bị cáo có nhân thân tốt; bị cáo Đ bị ung thư giai đoạn 4, quá trình truyền hóa chất đã ảnh hưởng đến nhiều bộ phận của cơ thể. Các luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đ và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M.

Quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội: Về tố tụng, kháng cáo của các bị cáo đủ điều kiện được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo

xuất trình biên lai thể hiện đã nộp thêm 200.000.000 đồng tiền bồi thường (mỗi bị cáo nộp 100.000.000 đồng); bị cáo M nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Đ bị ung thư giai đoạn 4, là người trực tiếp thờ cúng 2 liệt sỹ - đây là những tình tiết mới, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ hình phạt cho 2 bị cáo từ 6 tháng đến 1 năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trịnh Thị M và bị cáo Dương Minh Đ làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Căn cứ lời khai của các bị cáo, lời khai của bị hại, những người làm chứng, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận Trịnh Thị M và Dương Minh Đ sở hữu nhà, đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB887450 ngày 08/11/2010 được cấp đổi thành BR544646 ngày 05/5/2014 và số BR883718 ngày 01/7/2015 đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 73, diện tích 132,6m2 tại xóm B, thôn T, thị trấn V, huyện U, Hà Nội (nay là xã V, thành phố Hà Nội). Ngày 09/6/2011, vợ chồng Dương Minh Đ, Trịnh Thị M đã thế chấp nhà, đất trên để vay của Ngân hàng T - chi nhánh L số tiền 08 tỷ đồng. Mặc dù đã thế chấp nhà, đất trên cho Ngân hàng T và không còn khả năng thanh toán nợ, do cần tiền để chi tiêu, đầu tư kinh doanh, lợi dụng việc Ủy ban nhân dân huyện U có chủ trương cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng Đ - M đã xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận mới, các bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối *(không thông báo cho Ngân hàng V biết thửa đất trên đang thế chấp cho Ngân hàng T; không thông báo cho Ngân hàng V biết việc thay đổi ký hiệu của thửa đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng mới; không thông báo cho Ngân hàng V giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp cho V là giấy được cấp đổi, còn giấy chứng nhận trước đó hiện do T đang quản lý)*, thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng V, chiếm đoạt số tiền 3.550.000.000 đồng của Ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Trịnh Thị M và Dương Minh Đ phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* thuộc trường hợp *"Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên"* quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường cho bị hại 1 tỷ đồng; các bị cáo Trịnh Thị M và Dương Minh Đ là vợ chồng, cùng phạm tội trong một vụ án, hoàn cảnh gia đình các bị cáo nhiều khó khăn; bị cáo M có bố đẻ là thương binh; bị cáo Đ hiện bị ung thư giai đoạn cuối, bản thân bị cáo còn là người thờ cúng Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc và cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về hình phạt, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có khung hình phạt từ 12 năm đến tù chung thân. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xác định vai trò của từng bị cáo, xử phạt Trịnh Thị M 14 năm tù, Dương Minh Đ 07 năm tù là không nặng; tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xuất trình Biên lai thu tiền số 0001717 và Biên lai thu tiền số 0001718 ngày 10/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội thể hiện bị cáo Trịnh Thị M và bị cáo Dương Minh Đ nộp thêm 200.000.000 đồng tiền bồi thường; bị cáo Trịnh Thị M nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; đồng thời, bị cáo Dương Minh Đ xuất trình đơn trình bày hoàn cảnh gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương về việc bị cáo đang phải nuôi dưỡng mẹ già (sinh năm 1943) và đang thờ cúng 2 liệt sỹ. Hội đồng xét xử xét thấy đây là những tình tiết mới, có thể xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo như quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội.

[6] Về án phí, căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án", bị cáo Trịnh Thị M và bị cáo Dương Minh Đ không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Thị M, bị cáo Dương Minh Đ, sửa quyết định của Bản án sơ thẩm số 737/2025/HS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về hình phạt đối với các bị cáo như sau:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Thị M 13 năm 06 tháng (mười ba năm, sáu tháng) tù về tội ”Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2024.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Minh Đ 05 (năm) năm tù về tội ”Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Ghi nhận bị cáo Trịnh Thị M và bị cáo Dương Minh Đ đã nộp thêm 200.000.000 đồng tiền bồi thường theo Biên lai thu tiền số 0001717 ngày 10/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để khấu trừ vào số tiền mà các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Ngân hàng TMCP V theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Ghi nhận bị cáo Trịnh Thị M đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0001718 ngày 10/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Bị cáo Trịnh Thị M, bị cáo Dương Minh Đ không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam số 02, CAHN;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Các bị cáo;
- Lưu Phòng HCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Chu Thành Quang